https://nhathuocngocanh.com/

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Để xa tầm tay trẻ em.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

Viên nang mềm ESLIVER

SĐK: VD-14882-11

ESLIVER có chứa 24 loại vitamin thiết yếu, acid amin và các yếu tố tạo máu.

THÀNH PHẦN

Mỗi viên nang mềm chứa:

Hoạt chất:

Choline bitartrate	50 mg	L-Cystein HCl	5 mg
L-Methionin	50 mg	Glutathion	2,5 mg
Inositol	50 mg	Acid desoxycholic	12,5 mg
Lecithin	316 mg	Acid thioctic	2,5 mg
Cao gan	32,4 mg	Calcium pantothenate	10 mg
Bột gan khô	32,4 mg	Cyanocobalamin	32,4 µg
Tocopherol acetate	10 IU	L-Arginine	2,5 mg
Riboflavin	2,5 mg	L-Glutamin	5 mg
Acid ascorbic	10 mg	Acid L-Aspartic	5 mg
Thiamine nitrate	3,1 mg	L-Ornithin HCl	3,2 mg
Pyridoxin hydrochloride	2,5 mg	Acid amino acetic	50 mg
Nicotinamide	10 mg	Sắt fumarat	324 µg
		(tương đương với Sắt 106,5 µg)	

Tá dược: Dầu đậu nành, Dầu cọ, Sáp ong trắng, Gelatin, Glycerin đậm đặc, D-Sorbitol, Methylparaben, Propylparaben, Ethyl vanillin, Titan dioxyd, Màu xanh số 1, Màu vàng số 5, Màu đỏ số 40, Nước tinh khiết.

CHỈ ĐỊNH

Thuốc điều trị hỗ trợ trong các trường hợp sau:
Rối loạn chức năng gan do thuốc, do chế độ dinh dưỡng, và thiểu năng gan.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

1 viên nang x 2 ~ 3 lần/ ngày.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Không dùng cho bệnh nhân quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

1. L-Methionin
- Người bệnh bị nhiễm toan.
- Tổn thương gan nặng.

2. Nicotinamide
- Bệnh gan nặng.
- Loét dạ dày tiến triển.
- Xuất huyết động mạch.
- Hạ huyết áp nặng.

3. Cyanocobalamin
- Có tiền sử dị ứng với các cobalamin.
- U ác tính.
- Người bệnh cơ địa dị ứng.

THẬN TRỌNG

- Nếu các triệu chứng không được cải thiện sau khi dùng thuốc được một tháng, phải ngừng dùng thuốc và tham khảo ý kiến của bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng thuốc cho các đối tượng sau:
  + Trẻ em dưới 1 tuổi
  + Bệnh nhân đang được bác sĩ điều trị bệnh khác.
- Trẻ em cần uống thuốc dưới sự giám sát của người lớn.

1. L-Methionin

Ở những người bệnh đã bị suy gan, methionin có thể làm cho tổn thương gan nặng thêm. Cần thận trọng khi dùng methionin cho người bệnh bị bệnh gan nặng.

Ở những người bệnh đã bị suy gan/tổn thương gan, methionin có thể làm bệnh về não do gan tiến triển mạnh. Không được dùng methionin để điều trị ngộ độc paracetamol nếu đã quá 12 giờ tính từ lúc uống thuốc quá liều.

2. Nicotinamide

Khi sử dụng nicotinamid với liều cao cho những trường hợp sau: tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, viêm khớp do gút, và bệnh đái tháo đường.

3. Riboflavin

Sự thiếu riboflavin thường xảy ra khi thiếu những vitamin nhóm B khác.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Do độ an toàn của thuốc khi sử dụng cho phụ nữ có thai chưa được xác định nên chỉ sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai khi đã cân nhắc lợi ích của việc điều trị so với nguy cơ có thể xảy ra đối với thai nhi.

TƯƠNG TÁC THUỐC

1. Acid ascorbic (Vitamin C)

Dùng đồng thời vitamin C với aspirin làm tăng bài tiết vitamin C và giảm bài tiết aspirin trong nước tiểu.

Dùng đồng thời vitamin C và fluphenazin dẫn đến giảm nồng độ fluphenazin huyết tương. Sự acid - hóa nước tiểu sau khi dùng vitamin C có thể làm thay đổi sự bài tiết của các thuốc khác.

Vì vitamin C là một chất khử mạnh, nên ảnh hưởng đến nhiều xét nghiệm dựa trên phản ứng oxy hóa - khử. Sự có mặt vitamin C trong nước tiểu làm tăng giả tạo lượng glucose nếu định lượng bằng thuốc thử đồng (II) sulfat và giảm giả tạo lượng glucose nếu định lượng bằng phương pháp glucose oxydase.

2. Tocopherol acetate (Vitamin E)

Vitamin E đối kháng với tác dụng của vitamin K, nên làm tăng thời gian đông máu.

3. L-Methionin

Methionin có thể làm giảm tác dụng của levodopa. Cần tránh dùng methionin liều cao ở người bệnh đang được điều trị bằng levodopa.

4. Nicotinamide

Sử dụng nicotinamide đồng thời với chất ức chế men khử HGM - CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân (rhabdomyolysis).

Sử dụng nicotinamide đồng thời với thuốc chẹn alpha - adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.

Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với nicotinamide.

Sử dụng nicotinamide đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

Không nên dùng đồng thời nicotinamide với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.

5. Pyridoxine HCl

Pyridoxine làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson; điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid.

Pyridoxine có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai.

Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxin.

6. Riboflavin

Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột.

Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

TÁC DỤNG PHỤ

- Thỉnh thoảng có thể bị khó chịu ở dạ dày, tiêu chảy, táo bón, phát ban và nóng bừng. Trong trường hợp này cần ngưng dùng thuốc và tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.
- Đôi khi bệnh nhân có cảm giác chán ăn, nôn, khó chịu ở dạ dày hoặc tiêu chảy.

**** Thông báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.***

QUÁ LIỀU

Chưa có báo cáo.

BẢO QUẢN: Trong hộp kín, nơi khô mát, dưới 30°C.

ĐÓNG GÓI: Hộp chứa 5 vỉ x 10 viên nang mềm.
Hộp chứa 10 vỉ x 10 viên nang mềm.

THỜI HẠN SỬ DỤNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

**** Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.***

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: Nhà sản xuất.

Nhà sản xuất:
CTY TNHH PHIL INTER PHARMA
Số 25, đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương.